

BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN
CẤP CHỨNG CHỈ LÁI PHƯƠNG TIỆN
153 CÂU

Hà Nội - 2025

NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐÁP ÁN

- Lý thuyết tổng hợp (hình thức kiểm tra trắc nghiệm): 190 câu
- Điều động phương tiện (hình thức kiểm tra thực hành): 03 câu

Tổng số: 153 câu

Phân bố như sau:

Môn kiểm tra		Số câu hỏi	
Lý thuyết tổng hợp	An toàn cơ bản, đạo đức nghề nghiệp và bảo vệ môi trường	20	150
	Thủy nghiệp cơ bản	20	
	Luồng đường thủy nội địa	10	
	Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa	75	
	Điều động phương tiện	15	
	Vận tải hàng hóa và hành khách	10	
Thực hành	Điều động phương tiện	03	03
Tổng		153	

Phần 1. LÝ THUYẾT TỔNG HỢP

1. AN TOÀN CƠ BẢN, ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: 20 câu

Câu 1. Các tai nạn thường xảy ra trên phương tiện thủy nội địa:

- a. Gãy tay, chân, hoặc bị thương một phần cơ thể.
- b. Bị ngất do hít phải khí độc.
- c. Bị bỏng, điện giật, chết đuối.
- d. Tất cả các đáp án trên*

Câu 2. Trong quy định an toàn lao động, người lao động được sử dụng và vận hành thiết bị là:

- a. Người mới vào làm việc.
- b. Người đã được huấn luyện về quy tắc an toàn và vận hành thiết bị.*
- c. Người được huấn luyện vận hành thiết bị.
- d. Người đã làm việc lâu năm.

Câu 3. Tam giác cháy gồm 3 yếu tố là:

- a. Nitơ, nguồn nhiệt, chất cháy.
- b. Oxy, nguồn nhiệt, chất cháy.*
- c. Oxy, Nitơ, chất cháy.
- d. Oxy, nguồn nhiệt, Nitơ.

Câu 4. Khi khí và hơi phát cháy thì dùng loại bình chữa cháy hóa học để dập cháy tốt nhất là:

- a. Bình bột.
- b. Bình bột.*
- c. Bình CO₂.
- d. Bình axit bazơ.

Câu 5. Các thiết bị điện, hóa chất không gây phản ứng với CO₂ thì dùng loại bình chữa cháy hóa học tốt nhất để dập cháy là:

- a. Bình CO₂.*
- b. Bình bột.
- c. Bình bột.
- d. Bình Axit bazơ.

Câu 6. Bình bột dùng để chữa cháy tốt nhất cho loại đám cháy:

- a. Thiết bị điện.
- b. Đám cháy khí và hơi.
- c. Kim loại cháy được.
- d. Xăng dầu, mỡ và chất lỏng cháy được.*

Câu 7. Trang thiết bị cứu hỏa trên phương tiện thủy thường được sơn:

- a. *Màu đỏ.*
- b. Màu xanh.
- c. Màu vàng.
- d. Màu xám.

Câu 8. Nguyên nhân phương tiện thủy bị thủng:

- a. Do va chạm giữa các phương tiện với nhau.
- b. Do va chạm giữa phương tiện với các vật thể khác.
- c. Do mòn tự nhiên.
- d. *Tất cả các đáp án trên*

Câu 9. Trang bị, dụng cụ nào dưới đây thuộc trang bị cứu thủng là:

- a. Phao các loại.
- b. *Bơm nước, thảm, nệm gỗ.*
- c. Cáng, xuống cứu sinh.
- d. Các loại phao.

Câu 10. Sau khi đưa người đuối nước lên bờ, để đầu nạn nhân ở tư thế trên cáng để khiêng là:

- a. Để đầu cao hơn ngực.
- b. Để đầu cao bằng ngực.
- c. *Để đầu thấp hơn ngực.*
- d. Để đầu như thế nào cũng được.

Câu 11. Nạn nhân ngưng thở, tim còn đập ta:

- a. Giúp thở 02 hơi cho nạn nhân.
- b. Giúp thở 01 hơi cho nạn nhân.
- c. *Giúp thở cho nạn nhân cứ mỗi 05 giây 01 lần.*
- d. Giúp thở cho nạn nhân 05 hơi trong 10 giây.

Câu 12. Vị trí ấn tim (trường hợp ngưng tim) là:

- a. 1/2 Ngực bên trái nạn nhân.
- b. 1/2 Giữa xương ức.
- c. *1/2 dưới xương ức.*
- d. Tất cả đều sai.

Câu 13. Hô hấp nhân tạo nhằm mục đích:

- a. Loại bỏ nguyên nhân gây ngạt thở.
- b. Giúp cho không khí từ ngoài vào, để tăng cường chức năng cho tim hoạt động trở lại.
- c. Làm cho không khí ở ngoài vào phổi kết hợp ép tim ngoài lồng ngực.
- d. *Giúp không khí ở ngoài vào phổi và đẩy không khí trong phổi ra ngoài để thay thế cho hô hấp tự nhiên.*

Câu 14. Khi nghi ngờ nạn nhân bị gãy xương, ta có thể:

- a. Khám nghiệm khắp cơ thể nạn nhân tìm xem nạn nhân còn những vết thương nào khác để xử lý.
- b. Không đụng chạm mà chuyển đến cơ sở Y tế gần nhất.
- c. Lay động thử nhẹ nhàng nơi gãy xem sự tổn thương nặng nhẹ để xử lý kịp thời.
- d. Cố định tạm thời nơi nghi bị gãy rồi chuyển đến bệnh viện ngay.*

Câu 15. Xử lý một vết thương phần mềm có dị vật:

- a. Rút dị vật ra và băng ép để cầm máu.
- b. Cấp cứu viên dùng tay ép mạnh lên miệng vết thương có dị vật để cầm máu.
- c. Dùng tay nạn nhân ép mạnh lên miệng vết thương có dị vật và băng ép lại.
- d. Dùng gòn, gạc ép mạnh lên miệng vết thương có dị vật và băng ép để cầm máu.*

Câu 16. Phương pháp cầm máu hiệu quả và thông dụng hiện nay là:

- a. Phương pháp đặt garot (ga – rô).
- b. Phương pháp băng ép cầm máu.*
- c. Phương pháp ấn chặn động mạch.
- d. Đặt con chèn cầm máu.

Câu 17. Khi băng đối với vết thương bỏng ta dùng:

- a. Dùng băng thun, băng chặt để cầm máu.
- b. Dùng băng lưới băng lỏng để tạo sự thông thoáng.*
- c. Không cần băng, chỉ thoa thuốc là đủ.
- d. Tất cả đều sai.

Câu 18. Nguyên tắc cột dây cơ bản trong cố định xương gãy là:

- a. Cột trên dưới 2 đầu nẹp trước.
- b. Cột 2 đầu khớp trước.
- c. Cột ngay ổ gãy để tránh sóc.
- d. Cột trên ổ gãy – dưới ổ gãy trước.*

Câu 19. Nguyên tắc tải thương là:

- a. Di chuyển phải theo dõi nạn nhân.
- b. Động tác phải nhẹ nhàng và đồng bộ.
- c. Đúng cách, thích hợp theo bệnh trạng.
- d. Cả 3 câu trên đều đúng.*

Câu 20. Khi cần thiết phải gọi xe cấp cứu, cần nói rõ:

- a. Tên tuổi nạn nhân, địa chỉ, số điện thoại.
- b. Tính chất tai nạn.*
- c. Hỏi và tìm chỗ đau.
- d. Cả 3 đều đúng.

2. THỦY NGHIỆP CƠ BẢN: 20 câu

Câu 21. Nhược điểm của dây thực vật là:

- a. *Đễ bị ẩm mốc.*
- b. Dễ tích điện và gây cháy nổ.
- c. Phải bôi mỡ bảo quản thường xuyên.
- d. Chịu tải lớn.

Câu 22. Ưu điểm của dây cáp là:

- a. *Chịu được tải trọng lớn.*
- b. Chịu được axit loãng và kiềm.
- c. Nổi trên mặt nước.
- d. Độ đàn hồi lớn.

Câu 23. Neo Hải quân là loại neo có:

- a. 1 cánh neo và ngáng.
- b. *2 cánh neo và ngáng.*
- c. 3 cánh neo.
- d. 4 cánh neo.

Câu 24. Nút sống có tác dụng:

- a. Để buộc vào cột, cọc.
- b. Để đưa thuyền viên lên cao làm việc.
- c. Dùng để bắt dây.
- d. *Để nối 2 đầu dây nhỏ cùng cỡ, khác cỡ.*

Câu 25. Nút lèo đơn có tác dụng:

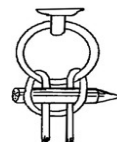
- a. *Để nối 2 đầu dây cùng cỡ hoặc để nối 1 đầu dây với 1 khuyết.*
- b. Để buộc đầu dây cáp.
- c. Để đưa thuyền viên ra mạn làm việc.
- d. Để câu hàng lên cao.

Câu 26. Nút hai khóa ngược có tác dụng:

- a. Để buộc neo.
- b. Để làm quai cheo, làm vòng đệm mái chèo.
- c. *Để buộc đầu dây vào cọc, cột, khuyết.*
- d. Để cứu người ngã xuống nước.

Câu 27. Nút số 8 là:

- a. Nút 1.



b. **Nút 2.**

c. Nút 3.

d. Nút 4.

Nút 1

Nút 2

Nút 3

Nút 4

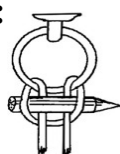
Câu 28. Nút dệt dễ mở là:

a. Nút 1.

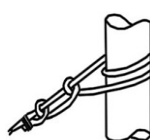
b. Nút 2.

c. **Nút 3.**

d. Nút 4.



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 29. Nút sống là:

a. **Nút 1.**

b. Nút 2.

c. Nút 3.

d. Nút 4.



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

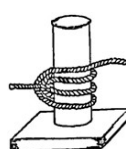
Câu 30. Nút câu là:

a. Nút 1.

b. Nút 2.

c. Nút 3.

d. **Nút 4.**



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 31. Nút móc đơn là:

a. Nút 1.

b. Nút 2.

c. Nút 3.

d. **Nút 4.**



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 32. Nút cô dây vào cọc bích đơn có ngang là:

a. Nút 1.

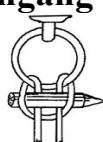
b. Nút 2.

c. **Nút 3.**

d. Nút 4.



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 33. Nút đa ghi là:

a. **Nút 1.**

b. Nút 2.

c. Nút 3.

d. Nút 4.



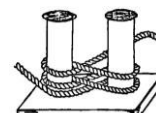
Nút 1



Nút 2



Nút 3



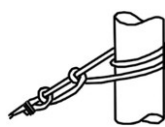
Nút 4

Câu 34. Nút 1 vòng chết 2 khóa là:

- a. Nút 1.
- b. Nút 2.**
- c. Nút 3.
- d. Nút 4.



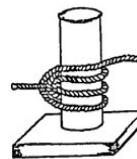
Nút 1



Nút 2



Nút 3



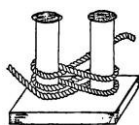
Nút 4

Câu 35. Nút ghề đơn là:

- a. Nút 1.
- b. Nút 2.
- c. Nút 3.**
- d. Nút 4.



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 36. Nút ghề kép là:

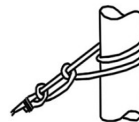
- a. Nút 1.**
- b. Nút 2.
- c. Nút 3.
- d. Nút 4.



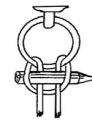
Nút 1



Nút 2



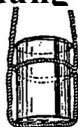
Nút 3



Nút 4

Câu 37. Nút cầu thùng đứng là:

- a. Nút 1.**
- b. Nút 2.
- c. Nút 3.
- d. Nút 4.



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 38. Nút neo thuận là:

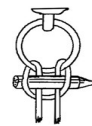
- a. Nút 1.
- b. Nút 2.
- c. Nút 3.
- d. Nút 4.**



Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

Câu 39. Nút xoắn đuôi là:

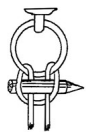
- a. Nút 1.
- b. Nút 2.
- c. Nút 3.**
- d. Nút 4.



Nút 1



Nút 2



Nút 3



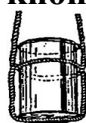
Nút 4

Câu 40. Nút cô dây vào cọc bích đơn không ngang là:

- a. Nút 1.
- b. Nút 2.
- c. Nút 3.
- d. Nút 4.**



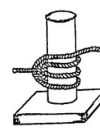
Nút 1



Nút 2



Nút 3



Nút 4

3. LUỒNG ĐƯỜNG THUYỀN NỘI ĐỊA: 10 câu

Câu 41. Sông ngòi ở khu vực thượng lưu thường có đặc điểm:

- a. Độ dốc lớn, lưu tốc lớn và có nhiều bãi cạn.
- b. Độ dốc lớn, lưu tốc nhỏ và có nhiều ghềnh đá nguy hiểm.
- c. *Độ dốc lớn, lưu tốc lớn, nhiều ghềnh đá nguy hiểm và có ít bãi cạn.*
- d. Độ dốc lớn, lưu tốc nhỏ và có ít bãi cạn.

Câu 42. Dạng đoạn sông cong thường có đặc điểm:

- a. Bên bờ vịnh thường có bãi cạn.
- b. *Bên bờ doi thường có bãi cạn.*
- c. Cả hai bên bờ thường có bãi cạn.
- d. Giữa sông có bãi cạn.

Câu 43. Dòng chảy phân luồng thường xuất hiện khi:

- a. *Có cồn ở giữa sông.*
- b. Có cồn ở bờ phải.
- c. Có cồn ở bờ trái.
- d. Có cồn ở cả hai bên bờ.

Câu 44. Dòng chảy vận thường xuất hiện khi dòng chảy gặp phải:

- a. *Đoạn sông cong.*
- b. Đoạn sông có dòng chảy phân luồng.
- c. Đoạn sông có dòng chảy phủ luồng
- d. Đoạn sông thẳng

Câu 45. Khi có dòng nước chảy từ thượng lưu, qua cầu xuống hạ lưu thì lưu tốc dòng nước chảy nhanh ở:

- a. Thượng lưu cầu.
- b. *Giữa hai trụ cầu.*
- c. Hạ lưu cầu.
- d. Phía hai bờ.

Câu 46. Sông, kênh ở Việt Nam thường chảy theo hướng:

- a. *Tây Bắc – Đông Nam.*
- b. Đông - Tây.
- c. Tây Nam – Đông Bắc.
- d. Bắc - Nam.

Câu 47. Khu vực nào ở Việt Nam có mật độ sông, kênh lớn nhất?

- a. Miền Bắc.
- b. Miền Trung.

- c. Tây Nguyên.
- d. Miền Nam.*

Câu 48. Sông nào chảy trong địa phận Việt Nam là dài nhất?

- a. Sông Thái Bình.
- b. Sông Hồng.
- c. Sông Đồng Nai.*
- d. Sông Tiền.

Câu 49. Hệ thống sông nào có lưu lượng nước nhiều nhất Việt Nam?

- a. Hệ thống sông Thái Bình.
- b. Hệ thống sông Hồng.
- c. Hệ thống sông Đồng Nai.
- d. Hệ thống sông Cửu Long.*

Câu 50. Hệ thống sông nào có lưu vực rộng lớn nhất Việt Nam?

- a. Hệ thống sông Thái Bình.
- b. Hệ thống sông Hồng.*
- c. Hệ thống sông Đồng Nai.
- d. Hệ thống sông Cửu Long.

4. PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 75 câu

4.1 PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 35 câu

Câu 51

Phương tiện có người ngã xuống nước, ban đêm ở vị trí cao nhất trên cột đèn phải tắt

- a. 1 đèn xanh giữa hai đèn đỏ*
- b. 1 đèn xanh giữa hai đèn trắng
- c. 1 đèn đỏ giữa hai đèn trắng
- d. 1 đèn đỏ giữa hai đèn xanh

Câu 52

Phương tiện chữa cháy khi làm nhiệm vụ ngoài đèn qui định, ban đêm tắt thêm

- a. Đèn đỏ nhấp nháy liên tục
- b. Đèn xanh quay nhanh liên tục*
- c. Đèn đỏ quay nhanh liên tục
- d. Đèn trắng quay nhanh liên tục

Câu 53

Phương tiện của quân đội khi làm nhiệm vụ khẩn cấp ngoài đèn qui định, ban đêm thấp thêm

- a. Đèn đỏ nhấp nháy liên tục
- b. Đèn xanh quay nhanh liên tục
- c. *Đèn đỏ quay nhanh liên tục*
- d. Đèn trắng quay nhanh liên tục

Câu 54

Phương tiện của công an khi làm nhiệm vụ khẩn cấp ban ngày phải treo

- a. Cờ trắng chữ thập đỏ
- b. Cờ đỏ đuôi nheo
- c. Cờ đỏ đuôi nheo có quân hiệu
- d. *Cờ xanh lá cây đuôi nheo có công an hiệu*

Câu 55

Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình phải giảm tốc độ trong trường hợp nào?

- a. *Đi gần đê, kè khi có nước lớn*
- b. Đi gần phương tiện chở hành khách
- c. Đi ngoài phạm vi cảng, bến thủy nội địa
- d. Tất cả các trường hợp trên

Câu 56

Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình không được bám, buộc vào

- a. Phương tiện chở than
- b. *Phương tiện chở hàng nguy hiểm*
- c. Phương tiện chở xi măng
- d. Cả ba phương tiện trên

Câu 57

Trong trường hợp nước đứng, hai phương tiện đi đối hướng gặp nhau có nguy cơ va chạm, phải tránh và nhường đường theo nguyên tắc nào?

- a. *Phương tiện phát tín hiệu xin đường trước được quyền ưu tiên*
- b. Phương tiện phát tín hiệu xin đường sau được quyền ưu tiên
- c. Tránh nhau về phía mạn trái của mình
- d. Tránh nhau thế nào cũng được

Câu 58

Thuyền trưởng, người lái phương tiện đang hành trình gặp phương tiện nhiệm vụ đặc biệt phải

- a. Tăng tốc độ, đi sát về một bên luồng để nhường đường
- b. Giảm tốc độ
- c. *Giảm tốc độ, đi sát về một bên luồng để nhường đường*

- d. Đi sát về một bên luồng để nhường đường

Câu 59

Ba tiếng còi dài có ý nghĩa

- a. *Sắp cập bến, rời bến, chào nhau*
- b. Đang chạy lùi
- c. Không thể nhường đường
- d. Đổi hướng đi sang phải

Câu 60

Bốn tiếng còi dài có ý nghĩa

- a. *Tín hiệu xin mở cầu, cống, âu tàu*
- b. Đang chạy lùi
- c. Không thể nhường đường
- d. Gọi các phương tiện khác đến giúp đỡ

Câu 61

Phương tiện đang hành trình trên sông muốn vượt một phương tiện khác phải

- a. Phát âm hiệu là một tiếng còi ngắn, lặp lại nhiều lần
- b. Phát âm hiệu là hai tiếng còi ngắn, lặp lại nhiều lần
- c. *Phát âm hiệu là một tiếng còi dài, lặp lại nhiều lần*
- d. Phát âm hiệu là ba tiếng còi dài lặp lại nhiều lần

Câu 62

Phương tiện chở hàng nguy hiểm, ban ngày phải treo

- a. *Cờ chữ B*
- b. Cờ chữ C
- c. Cờ chữ N
- d. Cờ chữ O

Câu 63

Phương tiện có động cơ chở khách khi hành trình, ngoài đèn quy định, ban đêm phải thắp thêm

- a. Đèn đỏ nhấp nháy liên tục
- b. *Đèn trắng nhấp nháy liên tục*
- c. Đèn vàng nhấp nháy liên tục
- d. Đèn xanh nhấp nháy liên tục

Câu 64

Phương tiện có động cơ chở khách khi hành trình, ban ngày treo

- a. Cờ đỏ đuôi nheo
- b. Cờ xanh đuôi nheo
- c. Cờ trắng trắng đuôi nheo
- d. *Cờ vàng đuôi nheo*

Câu 65

Phương tiện có chiều dài lớn nhất từ 45 mét trở xuống, ban đêm khi neo phải thả

- a. *1 đèn trắng sáng 360⁰ ở phía mũi*
- b. 1 đèn trắng sáng 360⁰ ở phía lái
- c. 1 đèn đỏ sáng 360⁰ ở phía mũi
- d. 1 đèn xanh sáng 360⁰ ở phía lái

Câu 66

Phương tiện bị mắc cạn trên luồng mà một bên luồng còn lưu thông được ban đêm ở vị trí cao nhất trên cột đèn phải thả

- a. 1 đèn xanh trên một đèn đỏ, phía luồng lưu thông được thả một đèn trắng
- b. 1 đèn đỏ trên một đèn vàng, phía luồng lưu thông được thả một đèn trắng
- c. *1 đèn đỏ trên một đèn xanh, phía luồng lưu thông được thả một đèn trắng*
- d. 1 đèn đỏ trên một đèn trắng phía luồng lưu thông được thả một đèn trắng

Câu 67

Phương tiện làm nhiệm vụ đặc biệt nào được ưu tiên đi trước?

- a. Phương tiện, đoàn phương tiện có công an dẫn đường
- b. *Phương tiện cứu nạn*
- c. Phương tiện quân đội làm nhiệm vụ khẩn cấp
- d. Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống

Câu 68

Phương tiện làm nhiệm vụ đặc biệt nào được ưu tiên đi trước?

- a. *Phương tiện chữa cháy*
- b. Phương tiện cứu nạn
- c. Phương tiện quân đội làm nhiệm vụ khẩn cấp
- d. Phương tiện, đoàn phương tiện có công an hộ tống

Câu 69

Hai phương tiện đi đối hướng nhau có nguy cơ va chạm, thuyền trưởng, người lái phương tiện tránh và nhường đường theo nguyên tắc nào?

- a. Phương tiện thô sơ phải tránh bè
- b. Bè phải tránh phương tiện có động cơ
- c. Bè phải tránh mọi phương tiện
- d. *Mọi phương tiện phải tránh bè*

Câu 70

Thuyền trưởng, người lái phương tiện khi hành trình phải giảm tốc độ của phương tiện trong trường hợp đi gần phương tiện nào?

- a. Đi gần phương tiện đang thực hiện nghiệp vụ trên luồng
- b. Đi gần phương tiện bị nạn
- c. Đi gần phương tiện chở hàng nguy hiểm
- d. *Cả ba trường hợp trên*

Câu 71

Phương tiện loại A kéo đoàn dài dưới 100 mét, ban ngày treo

- a. *2 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế*
- b. 1 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế
- c. 3 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế
- d. 4 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế

Câu 72

Phương tiện loại A kéo đoàn dài từ 100 mét trở lên, ban đêm thấp

- a. 1 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng lái
- b. 2 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng lái
- c. *3 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng lái*
- d. 4 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng lái

Câu 73

Phương tiện loại A kéo đoàn dài từ 100 mét trở lên, ban ngày treo

- a. 1 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế
- b. 2 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế
- c. *3 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế*
- d. 4 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế

Câu 74

Phương tiện loại A lai áp mạn, ban đêm thấp

- a. 1 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng sau lái
- b. *2 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng sau lái*
- c. 3 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng sau lái
- d. 4 đèn trắng cột mũi, 2 đèn mạn, 1 đèn trắng sau lái

Câu 75

Phương tiện Loại A áp mạn, ban ngày treo

- a. 1 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế
- b. *2 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế*
- c. 3 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế
- d. 4 dấu hiệu, mỗi dấu hiệu gồm 2 hình tròn màu đen ghép kiểu mũi khế

Câu 76

Phương tiện yêu cầu cảnh sát, thanh tra giao thông đường thủy hỗ trợ, ban ngày ở trên cột đèn phải treo

- a. Cờ chữ A
- b. Cờ xanh**
- c. Cờ chữ B
- d. Cờ chữ K

Câu 77

Phương tiện yêu cầu cảnh sát, thanh tra giao thông đường thủy hỗ trợ, ban đêm ở trên cột đèn phải thả thêm

- a. 1 đèn xanh trên một đèn đỏ**
- b. 1 đèn xanh trên một đèn trắng
- c. 1 đèn đỏ trên một đèn trắng
- d. 1 đèn đỏ trên một đèn vàng

Câu 78

Phương tiện đang thử máy, thử tốc độ, ban ngày ở vị trí cao nhất trên cột đèn phải treo

- a. Cờ chữ A**
- b. Cờ chữ C
- c. Cờ chữ B
- d. Cờ chữ H

Câu 79

Cờ chữ B có màu gì?

- a. Đỏ**
- b. Trắng
- c. Vàng
- d. Xanh

Câu 80

Cảnh sát giao thông đường thủy khi gọi phương tiện để kiểm soát, phải phát

- a. Cờ chữ K**
- b. Cờ chữ O
- c. Cờ chữ C
- d. Cờ chữ B

Câu 81

Phương tiện có người, súc vật bị dịch bệnh, ban ngày ở vị trí cao nhất trên cột đèn phải treo

- a. Cờ chữ A/L
- b. Cờ chữ Q/L**
- c. Cờ chữ B/L

- d. Cờ chữ K/L

Câu 82

Phương tiện không có động cơ có trọng tải toàn phần trên 15 tấn, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, phương tiện có sức chở trên 12 người khi hoạt động trên đường thủy nội địa phải đảm bảo các điều kiện nào?

- a. Đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
- b. Có giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
- c. Có đủ định biên thuyền viên và danh bạ thuyền viên theo quy định
- d. *Cả ba đáp án trên*

Câu 83

Phương tiện bị nạn yêu cầu cấp cứu ban ngày ở vị trí cao nhất trên cột đèn treo

- a. Cờ chữ A
- b. Cờ chữ O
- c. Cờ chữ B
- d. *Cờ chữ N/C*

Câu 84

Phương tiện cứu nạn khi làm nhiệm vụ khẩn cấp ban ngày phải treo

- a. *Cờ trắng chữ thập đỏ*
- b. Cờ đỏ đuôi neo
- c. Cờ đỏ đuôi neo có quân hiệu
- d. Cờ xanh lá cây đuôi neo

Câu 85

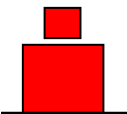
Phương tiện bị mất chủ động còn trốn đối với phương tiện loại A ban đêm phải thấp

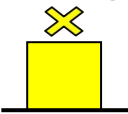
- a. 2 đèn xanh cách nhau một mét, đèn mạn và đèn trắng lái
- b. *2 đèn đỏ cách nhau một mét, đèn mạn và đèn trắng lái*
- c. 2 đèn vàng cách nhau một mét, đèn mạn và đèn trắng lái
- d. 2 đèn trắng cách nhau một mét, đèn mạn và đèn trắng lái

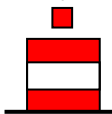
4.2 BẢO HIỆU GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA: 40 câu

Câu 86. Báo hiệu chỉ vị trí giới hạn bên phải của luồng tàu chạy là:

- a. Phao 1
 - b. *Phao 2*
 - c. Phao 3
 - d. Phao 4
- 
Phao 1


Phao 2


Phao 3


Phao 4

Câu 87. Báo hiệu chỉ vị trí giới hạn bên trái của luồng tàu chạy là:

a. Phao 1

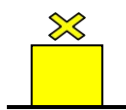
b. Phao 2

c. Phao 3

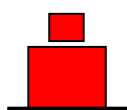
d. Phao 4



Phao 1



Phao 2



Phao 3



Phao 4

Câu 88. Báo hiệu chỉ vị trí giới hạn bên phải của luồng tàu sông đi cạnh luồng tàu biển là:

a. Phao 1

b. Phao 2

c. Phao 3

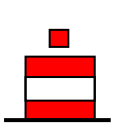
d. Phao 4



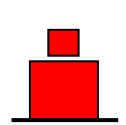
Phao 1



Phao 2



Phao 3



Phao 4

Câu 89. Báo hiệu chỉ vị trí giới hạn bên trái của luồng tàu sông đi cạnh luồng tàu biển là:

a. Phao 1

b. Phao 2

c. Phao 3

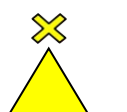
d. Phao 4



Phao 1



Phao 2



Phao 3



Phao 4

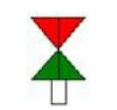
Câu 90. Báo hiệu chỉ nơi phân luồng, ngã ba là:

a. Biển 1

b. Biển 2

c. Biển 3

d. Biển 4



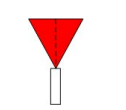
Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 91. Báo hiệu chỉ vật chướng ngại đơn lẻ trên đường thủy rộng là:

a. Biển 1

b. Biển 2

c. Biển 3

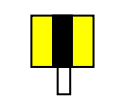
d. Biển 4



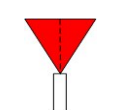
Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

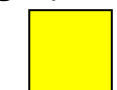
Câu 92. Báo hiệu chỉ khoảng thông thuyền của công trình vượt sông trên không, cho phương tiện thô sơ qua là:

a. Biển 1

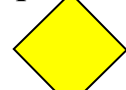
b. Biển 2

c. Biển 3

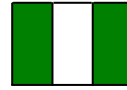
d. Biển 4



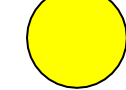
Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 93. Báo hiệu chỉ khoảng thông thuyền của công trình vượt sông trên không, cho phương tiện cơ giới và thô sơ đi chung là:

- a. Biển 1
b. Biển 2
c. Biển 3
d. Biển 4
- Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 94. Báo hiệu chỉ vị trí giới hạn vùng nước phía bên trái của luồng là:

- a. Phao 1
b. Phao 2
c. Phao 3
d. Phao 4
- Phao 1 Phao 2 Phao 3 Phao 4

Câu 95. Báo hiệu chỉ cửa luồng ra vào cảng, bến đặt ở phía bên phải:

- a. Biển 1
b. Biển 2
c. Biển 3
d. Biển 4
- Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 96. Báo hiệu chấp tiêu tim luồng đặt bên bờ phải là:

- a. Biển 1
b. Biển 2
c. Biển 3
d. Biển 4
- Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 97. Báo hiệu chỉ vị trí tim luồng:

- a. Phao 1
b. Phao 2
c. Phao 3
d. Phao 4
- Phao 1 Phao 2 Phao 3 Phao 4

Câu 98. Báo hiệu chỉ luồng chạy tàu chuyển hướng từ bờ phải sang bờ trái là:

- a. Biển 1
b. Biển 2
c. Biển 3
d. Biển 4
- Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 99. Báo hiệu thông báo cấm thả neo, cấm kéo rê neo, cáp hay xích là:

- a. Biển 1
b. Biển 2
c. Biển 3
d. Biển 4
- Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 100. Báo hiệu thông báo cấm đỗ là:

- a. Biển 1

b. **Biển 2**

c. Biển 3

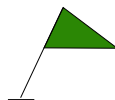
d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 101. Báo hiệu thông báo luồng cách bờ là

a. Biển 1

b. Biển 2

c. **Biển 3**

d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 102. Báo hiệu thông báo chiều dài đoàn lái dất bị hạn chế là

a. **Biển 1**

b. Biển 2

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 103. Báo hiệu thông báo chiều sâu luồng bị hạn chế là

a. **Biển 1**

b. Biển 2

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 104. Báo hiệu thông báo số hàng tối đa được phép neo đậu là

a. Biển 1

b. **Biển 2**

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 105. Báo hiệu thông báo tĩnh không trực tiếp là

a. Biển 1

b. **Biển 2**

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



Biển 3

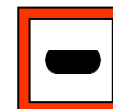
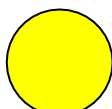


Biển 4

Câu 106. Báo hiệu chỉ dẫn chú ý nguy hiểm là:

a. **Biển 1**

b. Biển 2



- c. Biển 3
- d. Biển 4

Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

Câu 107. Báo hiệu thông báo cấm rẽ trái là

- a. Biển 1
- b. Biển 2**
- c. Biển 3
- d. Biển 4



Biển 1



Biển 2



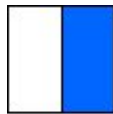
Biển 3



Biển 4

Câu 108. Báo hiệu thông báo điểm kết thúc một tình huống là

- a. Biển 1
- b. Biển 2
- c. Biển 3
- d. Biển 4**



Biển 1



Biển 2



Biển 3



Biển 4

Câu 109. Báo hiệu thông báo khu vực được phép tổ chức các hoạt động thể thao giải trí là

- a. Biển 1
- b. Biển 2
- c. Biển 3
- d. Biển 4**



Biển 1



Biển 2



Biển 3



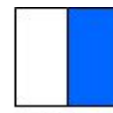
Biển 4

Câu 110. Báo hiệu thông báo vị trí Đoạn, Trạm quản lý đường thủy nội địa là

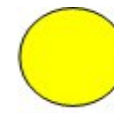
- a. Biển 1
- b. Biển 2
- c. Biển 3
- d. Biển 4**



Biển 1



Biển 2



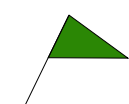
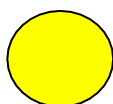
Biển 3



Biển 4

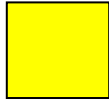
Câu 111. Báo hiệu thông báo cấm phương tiện thô sơ là:

- a. Biển 1
- b. Biển 2
- c. Biển 3



d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

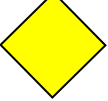
Câu 112. Báo hiệu thông báo cấm vượt là:

a. Biển 1 
 b. Biển 2 
 c. Biển 3 
d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 113. Báo hiệu thông báo hạn chế tạo sóng là:

a. Biển 1 
b. Biển 2 
 c. Biển 3 
 d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 114. Báo hiệu thông báo cấm tàu thuyền chạy buồm là:

a. Biển 1 
 b. Biển 2 
c. Biển 3 
 d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

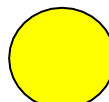
Câu 115. Báo hiệu thông báo cấm đi lại với tốc độ cao là:

a. Biển 1 
b. Biển 2 
 c. Biển 3 
 d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 116. Báo hiệu thông báo được phép neo đậu là:

a. Biển 1 
 b. Biển 2 
 c. Biển 3 
 d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

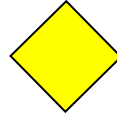
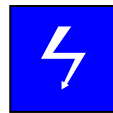
Câu 117. Báo hiệu thông báo chiều rộng vùng nước được phép neo đậu là:

a. Biển 1 
 b. Biển 2 
 c. Biển 3 
d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

Câu 118. Báo hiệu thông báo phía trước có đường dây điện qua sông là:

a. Biển 1
b. Biển 2

c. Biển 3



d. Biển 4

Biển 1

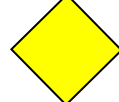
Biển 2

Biển 3

Biển 4

Câu 119. Báo hiệu thông báo có bến phà, bến khách ngang sông là:

a. *Biển 1*



b. Biển 2

c. Biển 3

d. Biển 4

Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

Câu 120. Báo hiệu thông báo mốc cây số đường thủy nội địa là:

a. *Biển 1*

b. Biển 2

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

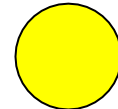
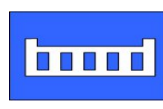
Câu 121. Báo hiệu thông báo có công trình ngầm vượt sông là:

a. Biển 1

b. *Biển 2*

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

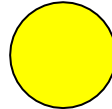
Câu 122. Báo hiệu thông báo nơi giao nhau của nhiều sông kênh là:

a. Biển 1

b. *Biển 2*

c. Biển 3

d. Biển 4



Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

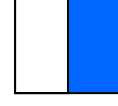
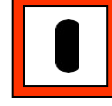
Câu 123. Báo hiệu thông báo khu vực tiếp giáp là:

a. Biển 1

b. Biển 2

c. Biển 3

d. *Biển 4*



Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

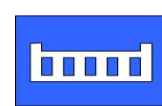
Câu 124. Báo hiệu thông báo phía trước có cống, đập, âu thuyền là:

a. Biển 1

b. Biển 2

c. Biển 3

d. *Biển 4*



Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

Câu 125. Báo hiệu thông báo chiều rộng luồng bị hạn chế là:

a. Biển 1

b. *Biển 2*



Biển 1

Biển 2

Biển 3

Biển 4

c. Biển 3

d. Biển 4 Biển 1 Biển 2 Biển 3 Biển 4

5. ĐIỀU ĐỘNG PHƯƠNG TIỆN: 15 Câu

Câu 126. Các đại lượng đặc trưng cho quán tính là:

- a. *Quãng đường và thời gian.*
- b. Quãng đường và vận tốc.
- c. Quãng đường và khối lượng.
- d. Vận tốc và khối lượng.

Câu 127. Tại khu vực bờ đứng nước sâu, hiện tượng hút nước giữa phương tiện thủy và bờ xảy ra khi:

- a. phương tiện chạy chậm gần bờ.
- b. phương tiện chạy nhanh xa bờ.
- c. *Phương tiện chạy nhanh gần bờ.*
- d. phương tiện chạy nhanh giữa sông.

Câu 128. Khi điều động phương tiện thủy cập cầu, cập phao, thả neo thì thường lựa chọn:

- a. *Nước ngược nhẹ.*
- b. Nước xuôi.
- c. Nước ngược mạnh.
- d. Nước nào cũng được.

Câu 129. Khi có người ngã xuống nước, người điều khiển phương tiện thủy phải:

- a. *Phải lập tức dừng máy, bẻ lái về phía người ngã, ném phao cho người ngã, theo dõi người.*
- b. Phải lập tức bẻ lái về phía người ngã, ném phao cho người ngã.
- c. Nhanh chóng lái tàu về phía người ngã, ném nhiều phao cho người ngã.
- d. Dừng ngay tàu, cử người bơi giỏi xuống cứu người bị nạn.

Câu 130. Phương tiện đang chạy xuôi nước mà có người ngã xuống nước thì:

- a. Điều động phương tiện quay trở 270^0 (chữ C) để cứu người.
- b. *Điều động phương tiện quay trở 180^0 (số 8) để cứu người.*
- c. Điều động phương tiện quay trở ngay lập tức để cứu người.
- d. Cả 3 cách trên đều được.

Câu 131. Phương tiện đang chạy ngược nước mà có người ngã xuống nước thì:

- a. *Điều động phương tiện tàu quay trở 270^0 (chữ C) để cứu người.*
- b. Điều động phương tiện quay trở 180^0 (số 8) để cứu người.
- c. Điều động phương tiện quay trở ngay lập tức để cứu người.
- d. Cả 3 cách trên đều được.

Câu 132. Khi phương tiện thủy đang chạy tới, bánh lái để 0^0 , nếu chỉ xét tác dụng của bánh lái thì hướng mũi phương tiện sẽ:

- a. Ngã sang phải.
- b. Ngã sang trái.
- c. *Không ngã sang bên nào.*
- d. Khi ngã phải, khi ngã trái.

Câu 133. Khi phương tiện thủy đang chạy tới, nếu bẻ bánh lái sang trái thì hướng mũi phương tiện sẽ:

- a. Ngã sang phải.
- b. *Ngã sang trái.*
- c. Không thay đổi.
- d. Khi ngã phải, khi ngã trái.

Câu 134. Khi phương tiện thủy đang chạy lùi, nếu bẻ bánh lái sang trái thì hướng mũi phương tiện sẽ:

- a. *Ngã sang phải.*
- b. Ngã sang trái.
- c. Không thay đổi.
- d. Khi ngã phải, khi ngã trái.

Câu 135. Khi phương tiện thủy đang chạy lùi, bánh lái để 0^0 , nếu chỉ xét tác dụng của bánh lái thì hướng mũi phương tiện sẽ:

- a. Ngã sang phải.
- b. Ngã sang trái.
- c. *Không ngã sang bên nào.*
- d. Khi ngã phải, khi ngã trái.

Câu 136. Điều khiển phương tiện thủy đi đường có ảnh hưởng của gió, nước ngang, để trừ hao độ dạt người điều khiển cần:

- a. Tăng tốc độ.
- b. Giảm tốc độ.
- c. Giữ nguyên tốc độ.
- d. *Bẻ lái về phía đầu gió, đầu nước.*

Câu 137. Điều khiển phương tiện thủy đi đường có ảnh hưởng của sóng, để giảm được ảnh hưởng của sóng hướng đi người điều khiển cần chọn là:

- a. Ngược với hướng sóng.
- b. Ngang với hướng sóng.
- c. *Vát, chéo với hướng sóng.*
- d. Chạy Xuôi với hướng sóng.

Câu 138. Phương tiện thủy đang chạy mà có người ngã xuống nước thì khi điều động tàu cứu người phải để người ngã phía:

- a. *Mạn dưới sóng.*
- b. Mạn trên sóng.
- c. Mạn nào cũng được.
- d. Ngay trước mũi tàu.

Câu 139. Muốn chạy phương tiện thủy an toàn khi gặp dòng chảy vắn, thuyền trưởng, người lái phương tiện phải:

- a. Chạy tàu sát bờ vịnh.
- b. Chạy tàu sát bờ doi.
- c. *Chạy tàu theo đường ngắn nước (lợi nước) hay dải bọt nước.*
- d. Chạy tàu giữa luồng.

Câu 140. Trường hợp gặp xoáy mạnh thì thuyền trưởng, người lái phương tiện nên:

- a. Chạy ngược dòng chảy xoáy.
- b. *Chạy xuôi chiều dòng xoáy, càng xa tâm xoáy càng tốt.*
- c. Cố tránh hoặc chỉ bám phía trong dòng chảy xoáy.
- d. Chạy qua tâm dòng chảy xoáy.

6. VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH: 10 câu

Câu 141. Khi bảo quản hàng hóa cần phải chú ý những đặc tính:

- a. *Tính chất hàng hóa.*
- b. Kích thước hàng hóa.
- c. Trọng lượng hàng hóa.
- d. Cả ba đặc tính trên.

Câu 142. Nguyên nhân gây ra lượng giảm tự nhiên là:

- a. *Bản chất hàng hóa.*
- b. Hàng hóa bị thấm nước hoặc bị ẩm ướt.
- c. Hàng hóa bị nén, ép, xô đẩy gây hư hỏng.
- d. Sâu bọ hoặc côn trùng gây nên.

Câu 143. Những chú ý khi vận chuyển hàng phân hóa học:

- a. Phương tiện chở phân hóa học phải khô, có đủ dụng cụ che đậy khi cần thiết.
- b. Không xếp dỡ phân hóa học dưới trời mưa, khi xếp dỡ phải có công cụ mang hàng phù hợp.
- c. Khi xếp hàng phân hóa học ở dưới tàu hay trong kho đều phải có đệm lót cách ly thành phương tiện và nền kho.
- d. *Tất cả các chú ý trên.*

Câu 144. Nghĩa vụ của hành khách là:

- a. Mua vé hành khách và trả cước phí vận tải hành lý mang theo quá mức quy định.
- b. Khai đúng tên, địa chỉ của mình và trẻ em đi kèm khi người kinh doanh vận tải lập danh sách hành khách.
- c. Ngồi đúng vị trí chỗ ngồi có in trên vé.
- d. *Tất cả các nghĩa vụ trên.*

Câu 145. Khi người kinh doanh vận tải phải chịu trách nhiệm bồi thường đối với hàng hóa mất mát, hư hỏng toàn bộ hoặc một phần thì mức bồi thường được tính theo giá trị hàng hóa tại thời điểm:

- a. *Tại thời điểm mà hàng hóa được giao cho người nhận hàng.*
- b. Tại thời điểm ghi trên hóa đơn mua hàng.
- c. Tại thời điểm mà hàng hóa được giao cho người kinh doanh vận tải.
- d. Tại thời điểm mà hàng hóa bị mất mát, hư hỏng.

Câu 146. Trên đường vận tải nếu phát hiện hàng hóa thông thường không đúng với kê khai của người thuê vận tải thì người kinh doanh vận tải xử lý:

- a. *Báo cho người thuê vận tải biết và tiếp tục vận tải đến nơi trả hàng.*
- b. Báo cho người thuê vận tải biết và cho tàu dừng lại.
- c. Báo cho người thuê vận tải biết và vận tải quay về nơi nhận hàng.
- d. Không báo cho người thuê vận tải biết và tiếp tục vận tải đến nơi trả hàng.

Câu 147. Thuyền trưởng, người lái phương tiện phải lập biên bản hiện trường trong các trường hợp:

- a. Xảy ra sự cố thương vụ.
- b. Ách tắc giao thông dọc tuyến vận chuyển.
- c. Có người trên phương tiện bị chết.
- d. *Tất cả các ý trên.*

Câu 148. Trường hợp phải chuyển tải hàng hóa qua nơi luồng bị ách tắc thì người kinh doanh vận tải phải:

- a. *Đảm nhận việc chuyển tải.*
- b. Không đảm nhận việc chuyển tải.
- c. Giao cho một bên thứ ba.
- d. Đảm nhận vận chuyển 50% hàng hóa.

Câu 149. Phương tiện vận tải bị trưng dụng do lệnh của cơ quan có thẩm quyền thì thuyền trưởng, người lái phương tiện phải:

- a. Thông báo cho người kinh doanh vận tải biết.
- b. Thông báo cho người thuê vận tải biết.
- c. Không cần phải thông báo cho người kinh doanh vận tải và người thuê vận tải biết.

- d. Thông báo cho người kinh doanh vận tải và người thuê vận tải biết để phối hợp thực hiện.*

Câu 150. Ngành vận tải thủy nội địa có những đặc điểm:

- a. Tốc độ vận tải thấp và giá thành vận tải thấp.*
- b. Tốc độ vận tải cao và giá thành vận tải thấp.
- c. Tốc độ vận tải thấp và giá thành vận tải cao.
- d. Tốc độ vận tải cao và giá thành vận tải cao.

Phần 2. THỰC HÀNH ĐIỀU ĐỘNG TÀU: 3 đề

1. Đề bài

Đề 1. Điều động phương tiện rời cầu, cập cầu.

Đề 2. Điều động phương tiện hành trình trên sông thẳng (chạy chập tiêu, tránh va).

Đề 3. Điều động phương tiện hành trình cắt ngang sông (quay trở, tránh va).

2. Tiêu chí đánh giá

- Công tác chuẩn bị: 1 đ
- Phương pháp điều động: 7 đ
- Xử lý tình huống: 1,5 đ
- Thời gian thực hiện: 0,5 đ (≤ 15 phút)